# NỘI DUNG

# Tuyên truyền phổ biến pháp luật

# Tháng 10/2023

1. **Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13**

Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 là luật hình sự được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 27 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2016. Đây là bộ luật quan trọng điều chỉnh các hành vi vi phạm pháp luật và áp đặt hình phạt cho các tội phạm.

Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 gồm nhiều chương và khoản quy định về hình phạt, truy cứu trách nhiệm hình sự, bất hợp pháp về kinh doanh, công tác điều tra, xét xử và thi hành án hình sự. Đây là bộ luật cơ bản và quan trọng trong việc tuân thủ pháp luật và duy trì trật tự an toàn xã hội.

**Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực từ :**

Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2016. Từ thời điểm đó, nó thay thế Bộ luật Hình sự cũ, tức là Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10. Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 là một cơ sở pháp lý quan trọng để xác định và xử lý các hành vi phạm tội trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay.

**Bộ luật Hình sự có các điều khoản:**

Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 của Việt Nam được chia thành tổng cộng 4 phần, bao gồm 626 điều. Các phần của bộ luật này bao gồm:

Phần I: Quy định chung (gồm 95 điều).

Phần II: Các tội phạm (gồm 402 điều).

Phần III: Hình phạt và biện pháp hình sự (gồm 80 điều).

Phần IV: Quy định chung (gồm 49 điều).

Các điều khoản trong Bộ luật Hình sự này chi tiết quy định về các tội phạm và hình phạt, các quy trình pháp lý liên quan đến điều tra, xét xử và thi hành án hình sự. Đây là nền tảng pháp lý quan trọng để giữ gìn trật tự và an ninh xã hội.

Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 của Việt Nam được chia thành tổng cộng 4 phần. Các phần của bộ luật này bao gồm:

**Phần I:** Quy định chung: Chứa các điều khoản quy định về đối tượng áp dụng, nguyên tắc chung, ngôn ngữ và hiểu rõ về luật hình sự, trách nhiệm hình sự, trạng thái tội phạm và các khái niệm cơ bản khác.

**Phần II:** Các tội phạm: Bao gồm các các điều khoản quy định về các tội phạm cụ thể, chẳng hạn như tội giết người, tội cướp tài sản, tội buôn lậu, tội tham nhũng, tội gian lận thương mại, tội hiếp dâm,... và nhiều tội phạm khác.

**Phần III:** Hình phạt và biện pháp hình sự: Chứa các điều khoản quy định về các hình phạt và các biện pháp hình sự áp dụng cho các tội phạm. Bao gồm hình phạt tù chung thân, án tù từ một năm đến nhiều năm, án treo và các biện pháp khác như cấm điều khiển phương tiện giao thông, tịch thu tài sản, cấm công tác,...

**Phần IV:** Quy định chung: Được dành riêng cho các quy định chung liên quan đến công tác điều tra, xét xử và thi hành án hình sự, bao gồm quyền và nghĩa vụ của cơ quan tố tụng, nguyên tắc xây dựng bản án, thời hiệu xử án, quyền của nạn nhân và bị can.

Mỗi phần trong Bộ luật Hình sự này đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra một hệ thống pháp luật hình sự đồng nhất và công bằng, đảm bảo quyền lợi của người dân và duy trì trật tự an toàn xã hội.

**2. Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14**

Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 là một luật của Việt Nam được thông qua vào năm 2018 nhằm tăng cường nỗ lực của quốc gia trong việc ngăn chặn và xử lý các hành vi tham nhũng. Dưới đây là một tóm tắt những điểm chính của luật này:

**Phạm vi áp dụng:** Luật áp dụng cho cán bộ, công chức, viên chức, người đại diện của tổ chức, đơn vị và tổ chức tiếp nhận, xử lý, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản của nhà nước.

**Định nghĩa tham nhũng:** Luật mô tả tham nhũng là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, quyền lợi của mình để chiếm đoạt, lạm dụng quyền lợi cá nhân, vi phạm các quy định về quản lý tài sản công hoặc gây thiệt hại cho lợi ích của nhà nước, cá nhân và tổ chức.

**Các hành vi tham nhũng bị nghiêm cấm:** Luật liệt kê các hành vi bị nghiêm cấm như nhận, không chấp hành hoặc không đúng quy định về việc cung cấp thông tin, các hành vi gian lận đấu thầu, tạo điều kiện thuận lợi cho tham nhũng và sử dụng tài sản công vì mục đích cá nhân.

**Các biện pháp phòng chống tham nhũng:** Luật quy định việc xây dựng, triển khai các biện pháp phòng chống tham nhũng, bao gồm việc nâng cao ý thức, giáo dục, tuyên truyền, kiểm tra và giám sát, xử lý hành vi tham nhũng.

**Các quyền và nhiệm vụ của cơ quan kiểm soát:** Luật quy định quyền và nhiệm vụ của cơ quan kiểm soát nhằm đảm bảo sự tuân thủ và thực hiện hiệu quả các quy định về phòng chống tham nhũng.

**Xử lý hành vi tham nhũng:** Luật quy định các biện pháp xử lý hành vi tham nhũng, bao gồm cả truy cứu trách nhiệm hình sự, hành chính và vật chất đối với những người vi phạm.

Đây chỉ là một tóm tắt chung về Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14. Nếu bạn muốn hiểu rõ hơn về nội dung và chi tiết của luật này, tôi khuyến nghị bạn đọc cẩn thận và tham khảo văn bản luật hoặc tìm kiếm thông tin từ các nguồn đáng tin cậy.

**Mục đích của Luật**

Mục đích chính của Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 là tăng cường nỗ lực của Việt Nam trong việc ngăn chặn và xử lý các hành vi tham nhũng. Luật này nhằm tạo ra một cơ chế pháp lý rõ ràng và mạnh mẽ để đưa ra các biện pháp phòng chống tham nhũng, giúp bảo vệ lợi ích của nhà nước, cá nhân và tổ chức, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng một xã hội công bằng, minh bạch và trung thực.

Việc áp dụng Luật phòng chống tham nhũng có mục tiêu chính là:

Nâng cao ý thức và giáo dục: Luật nhằm nâng cao nhận thức và giáo dục cộng đồng về những hậu quả tiêu cực của tham nhũng và tầm quan trọng của việc phòng chống tham nhũng, từ đó tạo động lực để ngăn chặn hành vi tham nhũng và đẩy mạnh sự tuân thủ các quy định.

Xây dựng các biện pháp phòng chống tham nhũng: Luật quy định cụ thể các biện pháp và tiêu chuẩn phòng chống tham nhũng, bao gồm việc tăng cường kiểm tra, giám sát, tuyên truyền và xử lý những hành vi vi phạm.

Truy cứu trách nhiệm: Luật đề ra quy định về việc xử lý trách nhiệm hình sự, hành chính và vật chất đối với người vi phạm tham nhũng, nhằm đảm bảo sự công bằng và răn đe trong việc đối phó với các hành vi vi phạm.

Tóm lại, mục đích của Luật phòng chống tham nhũng là nâng cao hiệu quả phòng chống tham nhũng, bảo vệ lợi ích của nhà nước và cộng đồng, đồng thời xây dựng một xã hội công bằng và minh bạch.

**3. Luật thực hành tiết kiệm , chống lãng phí số 09/2012/QH13**

Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 09/2012/QH13 là một luật của Việt Nam được ban hành vào năm 2012 nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên, tiết kiệm chi phí và ngăn chặn hành vi lãng phí. Dưới đây là một tóm tắt về những điểm chính của luật này:

**Mục tiêu:** Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm đảm bảo sự sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của xã hội, tiết kiệm, ngăn chặn lãng phí và tạo ra những đổi mới trong quản lý, sử dụng tài sản công.

**Các nguyên tắc cơ bản:** Luật quy định các nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công và nguồn lực công, bao gồm nguyên tắc tiết kiệm, đổi mới, công bằng, minh bạch và trách nhiệm.

**Các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:** Luật quy định các biện pháp để thực hiện tiết kiệm và chống lãng phí, bao gồm tuyên truyền, huấn luyện, giám sát, xử lý vi phạm, đấu thầu công khố và quản lý tài sản công.

**Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:** Luật rõ ràng quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, bảo vệ tài sản công, báo cáo và kiểm toán.

**Biện pháp khen thưởng và xử lý vi phạm:** Luật quy định các phương thức khen thưởng và xử lý vi phạm trong việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

Tóm lại, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 09/2012/QH13 nhằm tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công và ngăn chặn hành vi lãng phí. Luật này đề ra các nguyên tắc, biện pháp và trách nhiệm cụ thể để đạt được mục tiêu tiết kiệm và chống lãng phí trong cả hành lang công và tư.

**Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 09/2012/QH13 có nhiều điều khoản quan trọng. Dưới đây là một số điều khoản chính của luật này:**

**Điều 4:** Quy định về nguyên tắc tiết kiệm, đổi mới, công bằng, minh bạch và trách nhiệm trong quản lý và sử dụng tài sản công.

**Điều 5:** Quy định về nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức và địa phương trong việc thực hiện tiết kiệm và chống lãng phí, bao gồm việc xác định chỉ tiêu tiết kiệm, kiểm tra, giám sát và điều chỉnh các chi phí.

**Điều 7:** Xác định nguyên tắc và quy trình thực hiện công tác đấu thầu và quản lý hợp đồng công khai, minh bạch và hiệu quả.

**Điều 8:** Quy định về kỷ luật và xử lý vi phạm tiết kiệm và chống lãng phí.

**Điều 9:** Đề xuất quy định về việc khen thưởng những cá nhân, tổ chức góp phần tiết kiệm và chống lãng phí hiệu quả.

**Điều 11:** Quy định về trách nhiệm báo cáo và kiểm toán trong việc thực hiện tiết kiệm và chống lãng phí.

**Điều 14:** Điều chỉnh về trách nhiệm của cơ quan kiểm toán nhà nước và các cơ quan, tổ chức liên quan đối với việc kiểm tra, đánh giá và xem xét công tác tiết kiệm và chống lãng phí.

**Nguồn sưu tầm từ TVPL.**